



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 4104000113 ngày 24 tháng 5 năm 2005
Kinh doanh số Điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 1 năm 2006

Giấy phép Thành lập 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005
và Hoạt động Quản lý Quỹ số 17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008
27/UBCK-GPĐC ngày 20 tháng 11 năm 2008
67/UBCK-GPĐC ngày 15 tháng 4 năm 2010
25/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2011
51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012
08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013
29/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013
63/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2018

Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ lần lượt do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có hiệu lực đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

Hội đồng Thành viên

Buwalda Jeroen Jelle Bart	Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 3 năm 2019)
Xavier Bernard Maurice Meyer	Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 3 năm 2019)
Ngô Thế Triệu	Thành viên
Clive Darren Baker	Thành viên

Ban Giám đốc Ngô Thế Triệu Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tòa nhà Saigon Trade Center
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

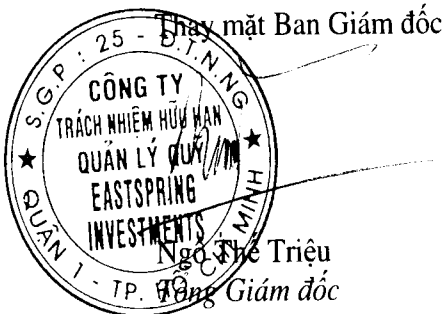
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ đầu tư
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00345-20-1

Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		218.474.932	140.444.525
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	110.034.045	69.292.045
Tiền	111		4.034.045	4.292.045
Các khoản tương đương tiền	112		106.000.000	65.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65.000.000	38.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	65.000.000	38.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	41.793.426	31.512.171
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		94.987	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	134		40.576.618	30.323.369
Phải thu khác	135		1.136.821	1.188.802
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(15.000)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.647.461	1.640.309
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.647.461	1.640.309
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		4.254.505	4.921.728
Tài sản cố định	220		915.252	1.444.070
Tài sản cố định hữu hình	221	7	915.252	1.423.226
Nguyên giá	222		5.035.629	5.035.629
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.120.377)	(3.612.403)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	20.844
Nguyên giá	228		982.797	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(982.797)	(961.953)
Tài sản dài hạn khác	260		3.339.253	3.477.658
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	9	2.157.688	2.441.946
Tài sản dài hạn khác	268	10	1.181.565	1.035.712
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		222.729.437	145.366.253

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		36.097.823	29.453.386
Nợ ngắn hạn	310		31.113.111	22.991.439
Phải trả người bán	312		338.976	214.114
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	5.424.669	539.918
Phải trả người lao động	315		56.824	-
Chi phí phải trả	316	12	22.106.302	18.839.446
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	3.186.340	3.397.961
Nợ dài hạn	330		4.984.712	6.461.947
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	1.385.147	1.365.483
Dự phòng phải trả	337	15	3.599.565	5.096.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		186.631.614	115.912.867
Vốn chủ sở hữu	410		186.631.614	115.912.867
Vốn góp	411	16	25.000.000	25.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000	2.081.457
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000	2.081.457
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		156.631.614	86.749.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	420a		86.749.953	51.743.112
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b		69.881.661	35.006.841
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		222.729.437	145.366.253

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Ngoại tệ	005	23	73.291	73.513
Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	030	17	1.760.229.638	2.437.616.703
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	040	18	100.737.388.254	73.345.192.234
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty	050		154.006.917	343.606.502

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

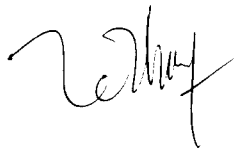
Mẫu B02 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND'000	2018 VND'000
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	19	142.933.017	108.641.872
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	5.368.909	2.775.489
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	64.400.565	72.494.067
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 10 + 21 - 25}	30		83.901.361	38.923.294
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		83.901.361	38.923.294
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	12.898.356	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	284.258	26.805
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		70.718.747	38.896.489

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Đỗ Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND'000	2018 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01	132.679.768	99.640.149
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03	(38.059.497)	(62.484.552)
Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.903.510)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.278.904)	(23.426.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	62.437.857	13.729.321
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Chi mua tài sản cố định	21	-	(1.359.351)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23	(65.000.000)	(68.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24	38.000.000	30.000.000
Thu lãi tiền gửi	27	5.304.143	2.084.632
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(21.695.857)	(37.274.719)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	40.742.000	(23.545.398)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	69.292.045	92.837.443
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)	70	110.034.045	69.292.045

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B05 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	25.000.000	136.633	136.633	51.743.112	77.016.378
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	38.896.489	38.896.489
Trích lập quỹ	-	1.944.824	1.944.824	(3.889.648)	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	25.000.000	2.081.457	2.081.457	86.749.953	115.912.867
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	70.718.747	70.718.747
Trích lập quỹ	-	418.543	418.543	(837.086)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	25.000.000	2.500.000	2.500.000	156.631.614	186.631.614

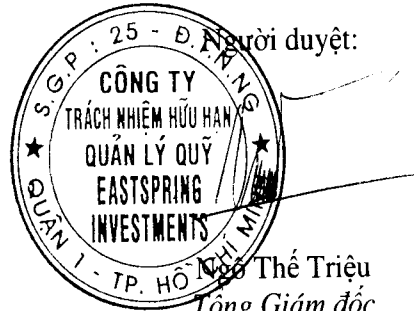
Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 21 nhân viên (31/12/2018: 20 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao. Trong năm, Công ty có một (1) nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2018: 10 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, làm tròn đến nghìn đồng (“VND’000”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng đến một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp 3 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này (“kỳ được nhận thưởng”). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

(j) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

(k) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(l) Các quỹ dự trữ

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(s) Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là quản lý đầu tư và hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.792.987	3.814.421
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.241.058	477.624
	4.034.045	4.292.045
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	20.000.000	40.000.000
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	55.000.000	15.000.000
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	31.000.000	10.000.000
	106.000.000	65.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	110.034.045	69.292.045

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có lãi suất năm dao động từ 3,44% đến 4,41% (31/12/2018: từ 3,63% đến 4,99%) đối với các khoản tiền gửi bằng VND. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm		
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	65.000.000	13.000.000
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	25.000.000
	65.000.000	38.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND, với kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và có lãi suất năm dao động từ 3,90% đến 4,10% (31/12/2018: từ 2,75% đến 4,50%).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ bao gồm:

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Phải thu công ty mẹ	40.391.618	30.148.369
Phải thu các công ty liên quan khác	185.000	175.000
	<hr/>	<hr/>
	40.576.618	30.323.369

Khoản phải thu từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Lãi dự thu	1.011.342	1.002.427
Đặt cọc tiền thuê	39.000	39.000
Phải thu từ người lao động	55.840	13.000
Phải thu khác	30.639	134.375
	<hr/>	<hr/>
	1.136.821	1.188.802

Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31/12/2018: Không).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định hữu hình

2019	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	1.858.849	3.176.780	5.035.629
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.382.030	2.230.373	3.612.403
Khấu hao trong năm	172.259	335.715	507.974
Số dư cuối năm	1.554.289	2.566.088	4.120.377
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	476.819	946.407	1.423.226
Số dư cuối năm	304.560	610.692	915.252

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09-CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

2018	Chi phí nâng cấp VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.544.802	2.131.476	3.676.278
Tăng trong năm	314.047	1.045.304	1.359.351
Số dư cuối năm	1.858.849	3.176.780	5.035.629
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.268.800	2.062.352	3.331.152
Khấu hao trong năm	113.230	168.021	281.251
Số dư cuối năm	1.382.030	2.230.373	3.612.403
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	276.002	69.124	345.126
Số dư cuối năm	476.819	946.407	1.423.226

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.474 triệu VND (31/12/2018: 3.226 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09-CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2019	2018
	VND'000	VND'000
Nguyên giá		
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	982.797	982.797
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	961.953	941.109
Khấu hao trong năm	20.844	20.844
Số dư cuối năm	982.797	961.953
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	20.844	41.688
Số dư cuối năm	-	20.844

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 983 triệu VND (31/12/2018: 899 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019	31/12/2018
	VND'000	VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả	1.880.659	2.168.849
Dự phòng trợ cấp thôi việc	277.029	273.097
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.157.688	2.441.946

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.181.565	1.035.712

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2019 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	284.063	9.052.937	(9.052.839)	284.161
Thuế nhà thầu	255.855	472.488	(582.681)	145.662
Thuế giá trị gia tăng	-	6.050	(6.050)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.898.356	(7.903.510)	4.994.846
	539.918	25.592.207	(20.707.457)	5.424.669

12. Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Các khoản tiền thưởng	12.732.792	7.584.414
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 15)	4.475.625	5.759.325
Chi phí hoạt động phải trả	3.032.820	3.580.517
Các khoản khác	1.865.065	1.915.190
	22.106.302	18.839.446

13. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	2.091.131	1.242.248
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	653.939	1.721.242
	2.745.070	2.963.490

Khoản phải trả cho công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	2019 VND'000	2018 VND'000
Số dư đầu năm	1.365.483	1.252.809
Dự phòng trích lập trong năm	95.015	112.674
Dự phòng sử dụng trong năm	(75.351)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.385.147	1.365.483

15. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	3.270.500	4.917.727
Thưởng khác	329.065	178.737
	<hr/>	<hr/>
	3.599.565	5.096.464

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong năm như sau:

	2019 VND'000	2018 VND'000
Số dư đầu năm	4.917.727	6.365.711
Dự phòng trích lập trong năm	2.828.398	4.311.341
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh số 12)	(4.475.625)	(5.759.325)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.270.500	4.917.727

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty là 25.000.000.000 VND đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

17. Tiền và các khoản tương đương tiền của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Quỹ Chủ sở hữu	635.015.353	356.741.734
Tiền gửi ngân hàng	384.015.353	56.741.734
Các khoản tương đương tiền (*)	251.000.000	300.000.000
Quỹ Toàn cầu	109.051.578	23.475.157
Tiền gửi ngân hàng	9.051.578	23.475.157
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000	-
Quỹ Nhân thọ	698.573.568	1.727.183.590
Tiền gửi ngân hàng	424.745.568	326.526.512
Các khoản tương đương tiền (*)	273.828.000	1.400.657.078
Quỹ Liên kết Đầu tư	287.815.965	280.874.356
Tiền gửi ngân hàng	142.038.560	91.112.558
Các khoản tương đương tiền (*)	145.777.405	189.761.798
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	25.237.303	35.356.442
Tiền gửi ngân hàng	5.175.659	2.781.925
Các khoản tương đương tiền (*)	20.061.644	32.574.517
Quỹ Hưu trí	4.535.871	13.985.424
Tiền gửi ngân hàng	4.535.871	13.985.424
	1.760.229.638	2.437.616.703

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ dưới sự quản lý của Công ty bao gồm:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số lượng	Giá thị trường VND'000	Số lượng	Giá gốc VND'000
Quỹ Chủ sở hữu				Giá thị trường VND'000
Chứng khoán nợ niêm yết	42.437.000	4.754.463.677	40.119.363	4.553.648.857
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	2.397.620.671	Không áp dụng	1.197.754.525
Quỹ Toàn cầu				
Chứng khoán nợ niêm yết	24.673.371	3.440.682.853	25.832.757	2.954.209.359
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	590.321.382	Không áp dụng	260.000.000
Quỹ Nhân thọ				
Chứng khoán vốn niêm yết	50.337.686	1.563.629.156	14.029.817	511.821.592
Chứng khoán nợ niêm yết	506.344.783	67.974.543.634	467.933.894	58.235.185.338
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	4.754.208.976	Không áp dụng	954.848.336
Quỹ Liên kết Đầu tư				
Chứng khoán vốn niêm yết	108.540.776	3.410.959.029	55.385.903	2.197.294.741
Chứng khoán nợ niêm yết	3.900.000	433.776.780	3.270.000	360.217.003
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	168.344.308	Không áp dụng	77.648.185
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam				
Chứng khoán vốn niêm yết	3.751.392	78.468.249	2.955.553	66.459.141
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	38.934.892	Không áp dụng	22.517.909
Quỹ Hưu trí				
Chứng khoán nợ niêm yết	1.335.000	136.459.566	1.235.000	126.010.885
Tiền gửi có kỳ hạn	Không áp dụng	91.887.177	Không áp dụng	82.287.382
		89.834.300.350	100.737.388.254	71.599.903.253
				73.345.192.234

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2019 VND'000	2018 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư	125.775.610	97.812.246
Doanh thu hoạt động quản trị danh mục đầu tư	8.713.866	7.152.038
Doanh thu hoạt động hỗ trợ phân bổ tài sản	8.443.541	3.677.588
	<hr/>	<hr/>
	142.933.017	108.641.872

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 102.652 tỷ VND (31/12/2018: 76.126 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Toàn cầu, Quỹ Nhân thọ, Quỹ Liên kết Đầu tư và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 123.649 triệu VND (2018: 95.566 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 2.126 triệu VND (2018: 2.246 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, doanh thu từ hoạt động quản trị danh mục đầu tư cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 8.714 triệu VND (2018: 7.152 triệu VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, doanh thu từ dịch vụ hỗ trợ phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 8.444 triệu VND (2018: 3.678 triệu VND).

Công ty không nhận khoản phí thưởng hoạt động nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018 vì các điều kiện của hợp đồng quản lý đầu tư không được đáp ứng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND'000	2018 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.313.058	2.723.731
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	55.851	51.758
	<hr/>	<hr/>
	5.368.909	2.775.489
	<hr/>	<hr/>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND'000	2018 VND'000
Chi phí nhân viên	39.589.894	47.531.029
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	9.083.510	12.025.470
Chi phí thuê văn phòng	4.011.477	3.828.779
Chi phí khác	11.715.684	9.108.789
	<hr/>	<hr/>
	64.400.565	72.494.067
	<hr/>	<hr/>

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019 VND'000	2018 VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	12.898.356	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	284.258	26.805
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.182.614	26.805
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND'000	2018 VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.901.361	38.923.294
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.780.272	7.784.659
Chi phí không được khấu trừ thuế	368.094	675.420
Lỗ tính thuế được sử dụng	(3.965.752)	(8.433.274)
	13.182.614	26.805

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Lỗ tính thuế	-	-	19.828.762	3.965.752

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán khác

(i) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Trong vòng một năm	4.414.225	4.011.477
Trong vòng hai đến năm năm	11.754.666	2.071.423
	16.168.891	6.082.900

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Ngoại tệ

	31/12/2019		31/12/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	3.172,75	73.291	3.172,75	73.513

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2019 VND'000	2018 VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	123.649.317	95.565.896
		Phí dịch vụ quản trị danh mục đầu tư	8.713.866	7.152.038
		Phí dịch vụ hỗ trợ phân bổ tài sản	8.443.541	3.677.588
		Phí liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng do công ty mẹ cung cấp	3.347.941	2.270.215
		Chi phí trả hộ cho Công ty	857.233	56.927
Prudential Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	515.014	968.058
		Chi phí trả hộ bởi Công ty	53.006	-
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng do công ty liên quan cung cấp	6.191.134	6.447.492
		Chi phí trả hộ bởi Công ty	-	450.917
		Phí quản lý quỹ	2.126.293	2.246.350
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ dưới sự quản lý			

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

25. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	110.034.045	69.292.045
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	65.000.000	38.000.000
Các khoản phải thu	(ii)	41.754.426	31.473.171
		<hr/>	<hr/>
		216.788.471	138.765.216

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tất cả tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty mà các bên liên quan và các quỹ này có lịch sử trả nợ tốt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	Từ 1 đến 3 tháng VND'000	Từ 3 tháng đến 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Phải trả người bán	338.976	338.976	338.976	-	-	-
Chi phí phải trả	5.811.755	5.811.755	-	5.811.755	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.186.340	3.186.340	3.186.340	-	-	-
	9.337.071	9.337.071	3.525.316	5.811.755	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Phải trả người bán	214.114	214.114	214.114	-	-	-
Chi phí phải trả	5.495.707	5.495.707	-	5.495.707	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.397.961	3.397.961	3.397.961	-	-	-
	9.107.782	9.107.782	3.612.075	5.453.707	-	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Có gốc tiền tệ là USD	
	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.291	73.513

Sau đây là tỷ giá hối đoái của ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2019	31/12/2018
USD/VND	23.100	23.170

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần	
	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
USD (tăng lên 1%)	586	588

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND'000	31/12/2018 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	106.000.000	65.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000	38.000.000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	4.034.045	4.292.045

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 32 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2018: 34 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 2018.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại ngày kết thúc kỳ kế toán, như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	110.034.045	110.034.045	69.292.045	69.292.045
▪ Các khoản phải thu	41.754.426	(*)	31.473.171	(*)
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000	(*)	38.000.000	(*)
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	338.976	(*)	214.114	(*)
▪ Chi phí phải trả	5.811.755	(*)	5.495.707	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	3.186.341	(*)	3.397.961	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Lê Minh Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc 31

